

**SO SÁNH ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII NĂM 2017 VÀ DỰ THẢO ĐIỀU LỆ NĂM 2018**

STT	Điều lệ 04/2017	Điều lệ 04/2018 (dự thảo)	Ghi chú
	<b>ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</b>	<b>I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</b>	
	<b>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</b>	<b>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</b>	
	<b>Khoản 1, Điều 1</b>	<b>Khoản 1, Điều 1</b>	
	1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:	1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:	
	a. "Vốn điều lệ" là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại 0 Điều lệ này;	a. "Vốn điều lệ" là <b>tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;</b>	Điểm a, Khoản 1 Điều 1, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	c. "Luật Chứng khoán" có nghĩa là Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2010;	c. " <b>Luật chứng khoán</b> " là <b>Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;</b>	Điểm c, Khoản 1 Điều 1, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	e. "Cán bộ quản lý" là Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành, Phó giám đốc (Phó tổng giám đốc), Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;	e. " <b>Người điều hành doanh nghiệp</b> " là <b>Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, và những người điều hành khác được Hội đồng quản trị phê chuẩn;</b>	Điểm e, Khoản 1 Điều 1, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	đ "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh	f. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại <b>khoản 17 Điều 4 Luật doanh</b>	Điểm f, Khoản 1 Điều 1, Thông tư 95/2017 /TT-BTC

	nghiệp;	nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;	
		h."Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán	Điểm g, Khoản 1 Điều 1, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	i. "CII E&C" là tên viết tắt của Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII.		
		k. "Địa bàn kinh doanh" có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.	
	<b>II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b>	<b>II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY</b>	
	<b>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</b>	<b>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</b>	
	<b>Khoản 3, Điều 2</b>	<b>Khoản 3, Điều 2</b>	
	Trụ sở đăng ký của Công ty là: Địa chỉ: 185 Hoa Lan, Phường 2, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh Điện thoại:+84 8 3512 2712 Fax: +84 8 3512 0633 E-mail:info@ciiec.com.vn Website: www.ciiec.com.vn	Trụ sở đăng ký của Công ty là: Địa chỉ: 185 Hoa Lan, Phường 2, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh Điện thoại: (028) 3512 2712 Fax: (028) 3512 0633 E-mail:info@ciiec.com.vn Website: www.ciiec.com.vn	
	<b>Khoản 4, Điều 2</b>		
	Tổng Giám đốc là đại diện theo pháp luật của		Nội dung này được bổ sung

	Công ty.		tại điều 3
	<b>Khoản 6, Điều 2</b>	<b>Khoản 5, Điều 2</b>	
	Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 <b>Error! Reference source not found.</b> hoặc gia hạn hoạt động theo <b>Error! Reference source not found.</b> Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là 70 năm.	5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo <b>Khoản 2 Điều 53 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 54 Điều lệ này</b> , thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là 70 năm.	Khoản 5 Điều 1, Thông tư 95/2017 /TT-BTC Cập nhật điều tham chiếu
		<b>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty</b>	
		<p>1. Số lượng người đại diện theo pháp luật là một (01) người. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 14 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật tại Công ty khi xuất cảnh khỏi Việt Nam.</p> <p>4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt</p>	Điều 3, Thông tư 95/2017 /TT-BTC

		<p>Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>5. Trường hợp vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>							
	<b>III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b>	<b>III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b>							
	<b>Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty</b>	<b>Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty</b>							
	<b>Khoản 1, Điều 3</b>	<b>Khoản 1, Điều 4</b>							
	Lĩnh vực kinh doanh của Công ty: ....	Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là: ...	Khoản 1 Điều 4, Thông tư 95/2017 /TT-BTC						
		<table border="1"> <tr> <td>36</td> <td>Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.</td> <td>6810</td> </tr> <tr> <td>37</td> <td>Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất</td> <td>6820</td> </tr> </table>	36	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.	6810	37	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820	Bổ sung ngành nghề kinh doanh theo nội dung Tờ trình sửa đổi điều lệ
36	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.	6810							
37	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820							

		38	Dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư.
		39	Tư vấn thiết kế xây dựng dân dụng
			14/2011/TT-BXD
			7110
	<b>Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động</b>	<b>Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động</b>	
	<b>Khoản 2, Điều 4</b>	<b>Khoản 2, Điều 4</b>	
	Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.	Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.	Khoản 1 Điều 5, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	<b>IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP</b>	<b>IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN</b>	
	<b>Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</b>	<b>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần</b>	
	<b>Khoản 2, Điều 5</b>	<b>Khoản 2, Điều 6</b>	
	Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.	Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.	Khoản 2 Điều 6, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	<b>Khoản 3, Điều 5</b>	<b>Khoản 3, Điều 6</b>	
	Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông, cổ phần chi phối, cổ phần đặc biệt và cổ phần ưu đãi. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được quy định tại 0 Điều lệ này.	Cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12 và Điều 13 Điều lệ này	Khoản 3 Điều 1, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	<b>Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu</b>	<b>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</b>	
	<b>Khoản 2, Điều 6</b>	<b>Khoản 2, Điều 7</b>	

	<p>Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.</p>	<p>Khoản 2 Điều 7, Thông tư 95/2017 /TT-BTC</p>
	<p><b>Khoản 3, Điều 6</b></p>	<p><b>Khoản 3, Điều 7</b></p>	
	<p>Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn ba mươi (30) ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.</p>	<p>Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn sáu mươi (60) ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.</p>	
	<p><b>Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác</b></p>	<p><b>Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác</b></p>	
	<p>Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký <b>mẫu</b> của đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>	<p>Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có <b>chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.</b></p>	<p>Điều 8, Thông tư 95/2017 /TT-BTC</p>
	<p><b>Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần</b></p>	<p><b>Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần</b></p>	
	<p><b>Khoản 1, Điều 8</b></p>	<p><b>Khoản 1, Điều 9</b></p>	

	Tất cả các cổ phần đã được thanh toán đầy đủ (ngoại trừ cổ phần được Đại hội đồng cổ đông có quy định khác) đều được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	Khoản 1 Điều 9, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	<b>Khoản 2, Điều 8</b>	<b>Khoản 2, Điều 9</b>	
	Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.	2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.	Khoản 2 Điều 9, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	<b>Điều 9. Thu hồi cổ phần</b>	<b>Điều 10. Thu hồi cổ phần</b>	
	<b>Khoản 4, Điều 9</b>	<b>Khoản 4 Điều 10</b>	Khoản 4 Điều 10, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.	Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.	
	<b>Khoản 5, Điều 9</b>	<b>Khoản 5 Điều 10</b>	
	Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ	Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ	Khoản 5 Điều 10, Thông tư

	<p>tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ vào thời điểm thu hồi do Hội đồng quản trị quyết định, kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.</p>	<p>tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá lãi suất cho vay bằng VNĐ kỳ hạn mười hai tháng của Ngân Hàng Ngoại Thương TP. HCM) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.</p>	<p>95/2017 /TT-BTC</p>
		<b>V. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b>	
<b>Điều 11. Quyền của cổ đông</b>		<b>Điều 12. Quyền của cổ đông</b>	
<b>Khoản 2, Điều 11</b>		<b>Khoản 2, Điều 12</b>	
	<p><b>Người nắm giữ cổ phần</b> phổ thông có các quyền sau:</p>	<p><b>Cổ đông</b> phổ thông có các quyền sau:</p>	<p>Khoản 2 Điều 12, Thông tư 95/2017 /TT-BTC</p>
	<p>a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;</p>	<p>a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại <b>cuộc họp</b> Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;</p>	<p>Điểm a, Khoản 2 Điều 12 Thông tư 95/2017 /TT-BTC</p>



	đ. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong <b>Danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông</b> và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;	g. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;	Điểm g, Khoản 2 Điều 12, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với <b>số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty</b> theo quy định của pháp luật;	h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với <b>tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán</b> cho các cổ đông nắm giữ <b>các</b> loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;	Điểm h, Khoản 2 Điều 12, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;	i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại <b>Điều 129</b> Luật Doanh nghiệp;	Điểm i, Khoản 2 Điều 12, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	<b>Khoản 3, Điều 11</b>	<b>Khoản 3, Điều 12</b>	
	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông <b>trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng</b> trở lên có các quyền sau:	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:	Khoản 3 Điều 12, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2, <b>Error! Reference source not found.</b> và Khoản 3, <b>Error! Reference source not found.</b> Điều lệ này;	a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các <b>Điều 25 và Điều 37</b> Điều lệ này;	Điểm a, Khoản 2 Điều 13, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên,	d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường	Điểm d, Khoản 3 Điều 12, Thông tư 95/2017 /TT-BTC

	địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;	trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra	
	đ. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.	e. Các quyền khác được quy định của pháp luật và Điều lệ này.	Điểm e, Khoản 3 Điều 12, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	<b>Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông</b>	<b>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông</b>	
	Cổ đông có các nghĩa vụ sau:	Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:	Điều 13, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	<b>Khoản 1, Điều 12</b>	<b>Khoản 1, Điều 13</b>	
	Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.	Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.	
	<b>Khoản 2, Điều 12</b>	<b>Khoản 2, Điều 13</b>	
	Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.	2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/ bầu cử thông qua các hình thức sau: a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp;	Khoản 2 Điều 13, Thông tư 95/2017 /TT-BTC

		<p>c. Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d. Gửi phiếu biểu quyết/ bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</p>	
	<b>Khoản 6, Điều 12</b>	<b>Khoản 6, Điều 13</b>	
	<p>Điểm c, Khoản 6, Điều 12</p> <p>c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.</p>	<p>Điểm c, Khoản 6, Điều 13</p> <p>c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các <b>rủi ro</b> tài chính đối với Công ty.</p>	Khoản 6 Điều 13, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	<b>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</b>	<b>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</b>	
	<b>Khoản 1, Điều 13</b>	<b>Khoản 1, Điều 14</b>	
	<p>Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <b>Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</b></p>	Khoản 1 Điều 14, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	<b>Khoản 2, Điều 13</b>	<b>Khoản 2, Điều 14</b>	
	<p>Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. <b>Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho</b></p>	<p>Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. <b>Trường</b></p>	Khoản 2 Điều 14, Thông tư 95/2017 /TT-BTC

	việc thông qua các báo cáo tài chính năm.	hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.	
	<b>Khoản 3, Điều 13</b>	<b>Khoản 3, Điều 14</b>	
	Điểm b, Khoản 3, Điều 13 b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;	b. Báo cáo tài chính quý, báo cáo tài chính sáu (06) tháng soát xét hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;	Điểm b, Khoản 3 Điều 14, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	Điểm c, Khoản 3, Điều 13 c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;	c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;	Điểm c, Khoản 3 Điều 14, Thông tư 95/2017 /TT-BTC - Bổ sung “thành viên độc lập HĐQT” để phù hợp với quy định tại Điểm b, Khoản 3, Điều 156 LDN2014
	Điểm d, Khoản 3, Điều 13 d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 0 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;	d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;	Điểm d, Khoản 3 Điều 14, Thông tư 95/2017 /TT-BTC

	<p>Điểm e, Khoản 3, Điều 13</p> <p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p>	<p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc <b>người điều hành khác</b> vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo <b>Điều 160 Luật Doanh nghiệp</b> hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p>	<p>Điểm 3, Khoản 3 Điều 14, Thông tư 95/2017 /TT-BTC</p> <p>Tất cả các cụm từ “cán bộ quản lý” đều được đổi thành “người điều hành khác” như đã đề cập tại Điểm f, Khoản 1, Điều 1. Giải thích thuật ngữ.</p>
	<p><b>Khoản 4, Điều 13</b></p>	<p><b>Khoản 4, Điều 14</b></p>	
	<p>Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p>	<p>Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p>	
	<p>Điểm a, Khoản 4, Điều 13</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c, Khoản <b>Error! Reference source not found.</b>, 0 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e, Khoản <b>Error! Reference source not found.</b>, 0;</p>	<p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, <b>thành viên độc lập hội đồng quản trị, Kiểm soát viên</b> còn lại như quy định tại Điểm c Khoản <b>Error! Reference source not found.</b> Điều 14 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản <b>Error! Reference source not found.</b> Điều 14;</p>	<p>Điểm a, Khoản 4 Điều 14, Thông tư 95/2017 /TT-BTC</p> <p>- Bổ sung “thành viên độc lập HĐQT” để phù hợp với quy định tại Điểm b, Khoản 3, Điều 156 LDN2014</p>
	<p>Điểm c, Khoản 4, Điều 13</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b, Khoản 4, 0 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản <b>Error! Reference source not found.</b>, Điều 13 này có</p>	<p>Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 14 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế</p>	<p>Điểm c, Khoản 4 Điều 14, Thông tư 95/2017 /TT-BTC</p>

	<p>quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6, Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	<p>Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <b>Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp</b>.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông <b>có thể</b> đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự <b>cuộc họp</b> Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	
	<b>Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</b>	<b>Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</b>	
	<b>Khoản 1, Điều 14</b>	<b>Khoản 1, Điều 15</b>	
	Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:	Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua <b>các vấn đề sau</b> :	Khoản 1 Điều 15, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;	a. Báo cáo tài chính năm <b>đã</b> được kiểm toán;	Điểm a, Khoản 1 Điều 15, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	d. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, tài chính hàng năm;		
	e. Kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của Công ty.	d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.	
	<b>Khoản 2, Điều 14</b>	<b>Khoản 2, Điều 15</b>	
	Đại hội đồng cổ đông <b>thường niên và bất</b>	Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các	

	thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:	vấn đề sau:	
	c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;	c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, <b>Kiểm soát viên;</b>	Điểm c, Khoản 2 Điều 15, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	d. Lựa chọn công ty kiểm toán;	d. Lựa chọn công ty kiểm toán <b>độc lập;</b>	Điểm d, Khoản 2 Điều 15, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần <b>và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</b>	h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;	Điểm h, Khoản 2 Điều 15, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	m. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;	<b>m. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản Công ty có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</b>	Điểm 1, Khoản 2 Điều 15, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	<b>o. Việc Tổng Giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;</b>		
	p. Công ty <b>hoặc các chi nhánh của Công ty</b> ký kết hợp đồng với những <b>người</b> được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;	o. Công ty ký kết hợp đồng <b>giao dịch</b> với những <b>đối tượng</b> được quy định tại <b>Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp</b> với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;	
	q. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.	p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và <b>pháp luật.</b>	Điểm o, Khoản 2 Điều 15, Thông tư 95/2017 /TT-BTC



	<b>Khoản 3, Điều 14</b>	<b>Khoản 3, Điều 15</b>	
	Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:	Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:	
	a. Thông qua các hợp đồng quy định tại <b>Điểm p Khoản 2 0</b> khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;	a. Thông qua các hợp đồng quy định tại <b>Khoản 2 Điều 15</b> khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;	Điểm a, Khoản 3 Điều 15, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.	b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được <b>thực hiện tương ứng với</b> tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua <b>giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.</b>	Điểm b, Khoản 3 Điều 15, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	<b>Điều 15. Các đại diện được ủy quyền</b>	<b>Điều 16. Các đại diện theo ủy quyền</b>	
	<b>Khoản 2, Điều 15</b>	<b>Khoản 2, Điều 16</b>	
	Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:		
	a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;	a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó <b>và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;</b>	Điểm a, Khoản 2 Điều 16, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện	<b>b. Trường hợp cổ đông tổ chức</b> là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông <b>tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp</b>	Điểm b, Khoản 2 Điều 16, Thông tư 95/2017 /TT-BTC



	theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;	<b>luật của tổ chức được uỷ quyền dự họp;</b>	
	c. Trong trường hợp khác thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp. Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.	c. Trong trường hợp khác thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp. Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền <b>khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.</b>	Điểm c, Khoản 2 Điều 16, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	<b>Khoản 3, Điều 15</b>	<b>Khoản 3, Điều 16</b>	
	Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).	Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định <b>người</b> đại diện, việc chỉ định <b>người</b> đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định <b>người</b> đại diện đó được xuất trình cùng với giấy uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).	Khoản 3 Điều 1, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	<b>Khoản 4, Điều 15</b>	<b>Khoản 4, Điều 16</b>	
	Trừ trường hợp quy định tại Khoản 0, 0, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:	Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 16, phiếu biểu quyết/ <b>phiếu bầu cử</b> của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:	Khoản 4 Điều 16, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	<b>Điều 16. Thay đổi các quyền</b>	<b>Điều 17. Thay đổi các quyền</b>	

	<b>Khoản 1, Điều 16</b>	<b>Khoản 1, Điều 17</b>	
	Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất <b>75%</b> quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua...	Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất <b>65%</b> quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi <b>nêu</b> trên biểu quyết thông qua.	Khoản 1 Điều 17, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	<b>Khoản 2, Điều 16</b>	<b>Khoản 2, Điều 17</b>	
	<b>Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại <b>Error! Reference source not found.</b> và <b>Error! Reference source not found.</b> Điều lệ này.</b>	2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại <b>Điều 19 và Điều 21</b> Điều lệ này.	
	<b>Khoản 3, Điều 16</b>	<b>Khoản 3, Điều 17</b>	
	Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.	3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.	Khoản 3 Điều 17, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	<b>Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</b>	<b>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</b>	
	<b>Khoản 1, Điều 17</b>	<b>Khoản 1, Điều 18</b>	
	Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập	Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các	Khoản 1 Điều 18, Thông tư 95/2017 /TT-BTC

	theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 0 Điều lệ này.	trường hợp quy định tại Điểm b hoặc <b>Điểm c Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.</b>	
	<b>Khoản 2, Điều 17</b>	<b>Khoản 2, Điều 18</b>	
	Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những <b>nhiệm vụ</b> sau đây:	2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những <b>công việc</b> sau đây:	Điểm a, Khoản 2 Điều 18, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội không sớm hơn năm (5) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;	a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và <b>biểu quyết/ bầu cử</b> tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;	Điểm a, Khoản 2 Điều 18, Thông tư 95/2017 /TT-BTC - Sửa đổi phù hợp với Khoản 1, Điều 137 và Khoản 7, Điều 136 LDN2014
		<b>b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;</b>	Khoản 2 Điều 18, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
		<b>c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;</b>	
		<b>d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;</b>	
		<b>g. Các công việc khác phục vụ đại hội.</b>	
	<b>Khoản 3, Điều 17</b>	<b>Khoản 3, Điều 18</b>	
	Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử ( <b>website</b> ) của Công ty. <b>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được</b>	Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông <b>bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền</b>	Khoản 3 Điều 18, Thông tư 95/2017 /TT-BTC

	<p>trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ <b>địa chỉ trang thông tin điện tử</b> để các cổ đông có thể tiếp cận.</p>	<p><b>dự họp chậm nhất</b> mười (10) ngày trước ngày <b>khai mạc cuộc họp</b> Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ <b>đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</li> <li>b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</li> <li>c. Thẻ hoặc Phiếu biểu quyết, bầu cử;</li> <li>d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;</li> <li>e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</li> </ul>	
	<p><b>Khoản 4, Điều 17</b></p>	<p><b>Khoản 4, Điều 18</b></p>	
	<p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại <b>Khoản 3 0 Điều lệ</b> này có quyền <b>đề xuất</b> các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. <b>Đề xuất</b> phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. <b>Đề xuất</b> phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và</p>	<p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại <b>Khoản 3 Điều 12 Điều lệ</b> này có quyền <b>kiến nghị</b> các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. <b>Kiến nghị</b> phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc <b>cuộc họp</b> Đại hội đồng cổ đông. <b>Kiến nghị</b> phải bao gồm họ và tên cổ đông, <b>địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công</b></p>	<p>Khoản 4 Điều 18, Thông tư 95/2017 /TT-BTC</p>

	nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.	dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.	
	<b>Khoản 5, Điều 17</b>	<b>Khoản 5, Điều 18</b>	
	Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 0, 0 trong các trường hợp sau:	Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị liên quan đến Khoản 4 Điều 18 nếu thuộc một trong các trường hợp sau:	Khoản 5 Điều 18, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;	a. <b>Kiến nghị</b> được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;	
	Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 0, 0 Điều lệ này;	b. Vào thời điểm <b>kiến nghị</b> , cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông <b>trở lên</b> trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 0 Điều 12 Điều lệ này;	
	Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua;	c. Vấn đề <b>kiến nghị</b> không thuộc phạm vi thẩm quyền <b>quyết định</b> của Đại hội đồng cổ đông;	
	Các trường hợp khác.	d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	
	<b>Khoản 6, Điều 17</b>		
	Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.		
	<b>Khoản 7, Điều 17</b>		
	Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ		

	<p>phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc tham dự thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.</p>		
	<p><b>Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p><b>Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</b></p>	
	<p><b>Khoản 1, Điều 18</b></p>	<p><b>Khoản 1, Điều 19</b></p>	
	<p>Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất <b>51%</b> tổng số phiếu có quyền biểu quyết.</p>	<p><b>Cuộc họp</b> Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p>Khoản 1 Điều 19, Thông tư 95/2017 /TT-BTC</p>
	<p><b>Khoản 2, Điều 18</b></p>	<p><b>Khoản 2, Điều 19</b></p>	
	<p>Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm <b>án định</b> khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập <b>lại</b> chỉ được tiến hành khi có <b>thành viên tham dự</b> là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất <b>33% cổ phần có quyền biểu quyết</b>.</p>	<p>Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm <b>xác định</b> khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. <b>Cuộc họp</b> Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức <b>họp</b> Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. <b>Cuộc họp</b> Đại hội đồng cổ đông triệu tập <b>lần thứ hai</b> chỉ được tiến hành khi có <b>số cổ đông</b> dự họp đại diện cho ít nhất 33% <b>tổng số</b> cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p>Khoản 2 Điều 1, Thông tư 95/2017 /TT-BTC</p>
	<p><b>Khoản 3, Điều 18</b></p>	<p><b>Khoản 3, Điều 19</b></p>	
	<p>Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong</p>	<p>Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong</p>	<p>Khoản 3 Điều 19, Thông tư 95/2017 /TT-BTC</p>

	<p>vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành <b>không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự</b> và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.</p>	<p>vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, <b>cuộc họp</b> Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào <b>tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp</b> và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại <b>cuộc họp</b> Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.</p>	
	<p><b>Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p><b>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</b></p>	
	<p><b>Khoản 1, Điều 19</b></p>	<p><b>Khoản 1, Điều 20</b></p>	
	<p>Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p>	<p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p>	
	<p><b>Khoản 2, Điều 19</b></p>	<p><b>Khoản 2, Điều 20</b></p>	
	<p>Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một <b>thẻ biểu quyết</b>, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và <b>số phiếu biểu quyết</b> của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến</p>	<p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một <b>thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử</b>, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và <b>số phiếu biểu quyết/phiếu bầu</b> của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được</p>	<p>Khoản 2 Điều 20, Thông tư 95/2017 /TT-BTC; Ghi cụ thể các nội dung có thể xảy ra.</p>

	<p>hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	
	<p><b>Khoản 3, Điều 19</b></p>	<p><b>Khoản 3, Điều 20</b></p>	
	<p>Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.</p>	<p>Cổ đông <b>hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc</b> đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/<b>bầu cử</b> tại đại hội <b>ngay sau khi đăng ký</b>. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và <b>hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi</b>.</p>	<p>Khoản 3 Điều 20, Thông tư 95/2017 /TT-BTC</p>
	<p><b>Khoản 4, Điều 19</b></p>	<p><b>Khoản 4, Điều 20</b></p>	
	<p>Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p>	<p>Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên <b>Hội đồng quản trị</b> còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp <b>theo nguyên tắc đa số</b>. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có</p>	<p>Khoản 4 Điều 20, Thông tư 95/2017 /TT-BTC</p>



		phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển <b>cuộc họp</b> Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có <b>số</b> phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.	
	<b>Khoản 5, Điều 19</b>	<b>Khoản 5, Điều 20</b>	
	Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.	Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.	Khoản 5 Điều 20, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	<b>Khoản 6, Điều 19</b>	<b>Khoản 6, Điều 20</b>	
	Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.	Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp	Khoản 7 Điều 20, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	<b>Khoản 7, Điều 19</b>	<b>Khoản 7, Điều 20</b>	
	Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.	Chủ tọa của đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.	Khoản 6 Điều 20, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	<b>Khoản 8, Điều 19</b>	<b>Khoản 8, Điều 20</b>	
	Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông	Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền	Khoản 8 Điều 20, Thông tư

	hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên tham gia đại hội.	yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.	95/2017 /TT-BTC Sử dụng “Người triệu tập ĐHDCĐ” để đúng với tất cả các trường hợp triệu tập ĐH. Có một số đối tượng khác so thể triệu tập cuộc họp như Khoản 5, Khoản 6 Điều 136 LDN
	<b>Khoản 9, Điều 19</b>	<b>Khoản 9, Điều 20</b>	
	Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:	<b>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</b> , sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:	Khoản 9 Điều 20, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
		Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.	
	<b>Khoản 10, Điều 19</b>	<b>Khoản 10, Điều 20</b>	
	Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:	Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, <b>người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</b> khi xác định địa điểm đại hội có thể	Khoản 10 Điều 20, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	<b>Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b>	<b>Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b>	
	<b>Khoản 1, Điều 20</b>	<b>Khoản 1, Điều 21</b>	

	<p>Trừ trường hợp quy định tại Khoản 0, 0, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>Thông qua báo cáo tài chính năm; Kế hoạch phát triển ngắn, trung và dài hạn của công ty; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc điều hành.</p>	<p>Nghị quyết, quyết định về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông (hoặc các đại diện được ủy quyền) dự họp tán thành hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</li> <li>b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</li> <li>c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;</li> <li>d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất của công ty;</li> <li>e. Tổ chức lại, giải thể công ty.</li> </ul>	<p>Sửa đổi phù hợp với Luật Doanh nghiệp Nghị định 71 và Thông tư 95</p>
	<p><b>Khoản 2, Điều 20</b></p>	<p><b>Khoản 2, Điều 21</b></p>	
	<p>Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu</p>	<p>2. Các nghị quyết, quyết định khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Luật Doanh nghiệp Nghị định 71 và Thông tư 95</p>

	bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).		
		<b>Khoản 3, Điều 21</b>	
		<p>3. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số</p>	<p>Khoản 2 Điều 21, Thông tư 95/2017 /TT-BTC viết cụ thể theo LDN</p> <p>Bổ sung thêm quy định “Nếu số ứng viên nhỏ hơn</p>

		thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện khoản 2 Điều 21 Điều lệ này.	hoặc bằng....” vì: - LDN2014 cho phép Công ty quy định cách thức biểu quyết bầu ngoài cách thức bầu dồn phiếu. (khoản 3, Điều 144 LDN2014) - Việc đưa thêm quy định này thuận tiện cho việc tổ chức bầu khi có ít hơn hoặc bằng số ứng viên cần bầu (ví dụ công ty có thể tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản để bầu...)
		<b>Khoản 4, Điều 21</b>	
		4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.	Khoản 4 Điều 21, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	<b>Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b>	<b>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b>	
	<b>Khoản 1, Điều 21</b>	<b>Khoản 1, Điều 22</b>	
	Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.	Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông <b>các vấn đề sau đây:</b>	Điều 22, Thông tư 95/2017 /TT-BTC

		<p>a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;</p> <p>b. Định hướng phát triển công ty;</p> <p>c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>e. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</p> <p>f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>g. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>h. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;</p> <p>i. Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</p>	
	<b>Khoản 2, Điều 21</b>	<b>Khoản 2, Điều 22</b>	
	Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký	Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo <b>nghị quyết</b> của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo <b>nghị quyết</b> . <b>Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu</b>	Khoản 2 Điều 22, Thông tư 95/2017 /TT-BTC

	<p>của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.</p>	<p>quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.</p>	
	<b>Khoản 3, Điều 21</b>	<b>Khoản 3, Điều 22</b>	

<p>Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;</p> <p>b. Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc <b>chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân</b>; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;</p> <p>Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p>	<p>Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b. Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c, Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số <b>Thẻ căn cước công dân</b>, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc <b>chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân</b>; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số <b>Thẻ căn cước công dân</b>, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc <b>chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức</b>; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/ phiếu bầu cử của cổ đông;</p> <p>d Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;</p> <p><b>f. Phương án bầu cử (nếu có);</b></p> <p>g. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>h. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị</p>	<p>Khoản 3 Điều 22, Thông tư 95/2017 /TT-BTC</p>
---	---	--



g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

	<b>Khoản 4, Điều 21</b>	<b>Khoản 4, Điều 22</b>	
	<p>Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.</p> <p>Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.</p>	<p>Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.</p>	<p>Khoản 4 Điều 22, Thông tư 95/2017 /TT-BTC</p>
		<b>Khoản 5, Điều 22</b>	
		<p>Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:</p> <p>a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</p> <p>Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham</p>	<p>Khoản 5 Điều 22, Thông tư 95/2017 /TT-BTC</p>

		gia biểu quyết.	
	<b>Khoản 5, Điều 21</b>	<b>Khoản 6, Điều 22</b>	
	Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:	Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông <b>không phải người điều hành doanh nghiệp</b> . Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:	Khoản 6 Điều 20, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, <b>số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;</b>	a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;	
	b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua <b>quyết định;</b>	b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua <b>nghị quyết;</b>	
	c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;	c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/ <b>phiếu bầu cử</b> đã tham gia biểu quyết/ <b>bầu cử</b> , trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/ <b>phiếu bầu cử hợp lệ</b> và số biểu quyết/ <b>phiếu bầu cử</b> không hợp lệ, <b>phương thức gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử</b> , kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/ <b>bầu cử;</b>	
	d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;	d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề và <b>tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên;</b>	
	e. Các <b>quyết định</b> đã được thông qua;	e. Các <b>vấn đề</b> đã được thông qua;	
	g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản	g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị,	

	trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.	người đại diện theo pháp luật của công ty, của người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.	
	Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.	Các thành viên Hội đồng quản trị, <b>người kiểm phiếu</b> và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.	
	<b>Khoản 6, Điều 21</b>	<b>Khoản 7, Điều 22</b>	
	<b>Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.</b>	Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.	
	<b>Khoản 7, Điều 21</b>	<b>Khoản 8, Điều 22</b>	
	Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	Khoản 8 Điều 22, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	<b>Khoản 8, Điều 21</b>	<b>Khoản 9, Điều 22</b>	

	<p>Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản <b>thực hiện theo Điều 21 Điều lệ này</b> và có giá trị như <b>nghị quyết</b> được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Khoản 9 Điều 22, Thông tư 95/2017 /TT-BTC Tỷ lệ thông qua được tính như tại ĐHCĐ thông thường</p>
	<p><b>Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p><b>Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b></p>	
	<p>Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p><b>Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</li> <li>b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;</li> <li>d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;</li> <li>e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;</li> <li>f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu tương ứng;</li> <li>g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề</li> </ul>	<p>Khoản 1 Điều 23, Thông tư 95/2017 /TT-BTC</p>

		<p>biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</p> <p>h. Tổng hợp số phiếu bầu đối với từng ứng viên (nếu có);</p> <p>i. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>j. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p> <p>Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p> <p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15)</p>	
--	--	--	--

		<p>ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.</p> <p>4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến không tán thành về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.</p> <p>5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	
	<b>Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b>	<b>Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b>	
	<p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cổ đông <b>hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này</b> có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p>	Điều 24, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	<b>Khoản 1, Điều 23</b>	<b>Khoản 1, Điều 24</b>	
	Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng	1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến	Khoản 1 Điều 24, Thông tư

	cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.	cổ đồng bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp.	95/2017 /TT-BTC
	<b>Khoản 2, Điều 23</b>	<b>Khoản 2, Điều 24</b>	
	Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.	2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.	
	Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.	Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng sáu mươi (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.	Khoản 2 Điều 24, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	<b>VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	
		<b>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</b>	
		<b>Khoản 1, Điều 25</b>	
		1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm	Khoản 1 Điều 25, Thông tư 95/2017 /TT-BTC  Phù hợp Điểm a, Khoản 3, Điều 8, TT155 và Điều 11, NĐ71



		<p>hiệu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</li> <li>b. Trình độ học vấn;</li> <li>c. Trình độ chuyên môn;</li> <li>d. Quá trình công tác;</li> <li>e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;</li> <li>f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;</li> <li>g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);</li> <li>h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);</li> <li>i. Các thông tin khác (nếu có).</li> </ul>	
	<b>Khoản 2, Điều 24</b>	<b>Khoản 2, Điều 25</b>	
	Các cổ đông nắm giữ cổ phần <b>có quyền biểu quyết</b> trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06)	Các cổ đông nắm giữ cổ phần <b>phổ thông</b> trong thời	Khoản 2 Điều 25, Thông tư

	<p>tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết <b>của từng người lại với nhau</b> để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử <b>tối đa tám (08) ứng viên.</b></p>	<p>hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tám (08) ứng viên <b>trở lên.</b></p>	<p>95/2017 /TT-BTC</p>
	<p><b>Khoản 3, Điều 24</b></p>	<p><b>Khoản 3, Điều 25</b></p>	
	<p>Trường hợp số lượng <b>các</b> ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. <b>Cơ chế đề cử hay cách thức</b> Hội đồng quản trị đương nhiệm <b>đề cử ứng cử viên</b> Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p>	<p>Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. <b>Thủ tục</b> Hội đồng quản trị đương nhiệm <b>giới thiệu</b> ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử <b>theo quy định pháp luật.</b></p>	<p>Khoản 3 Điều 25, Thông tư 95/2017 /TT-BTC</p>
		<p><b>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</b></p>	

	<b>Khoản 1, Điều 24</b>	<b>Khoản 1, Điều 26</b>	
	Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là <b>năm (05) người</b> và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.	Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là từ năm (05) đến mười một (11) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.	Khoản 1 Điều 26, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
		<b>Khoản 2, Điều 26</b>	
		Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn.	Khoản 2 Điều 26, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	<b>Khoản 4, Điều 24</b>	<b>Khoản 3, Điều 26</b>	
	Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:	Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:	Khoản 3 Điều 26, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	a. <b>Thành viên đó</b> không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không	a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng	Điểm a Khoản 3 Điều 26, Thông tư 95/2017 /TT-BTC

	được làm thành viên Hội đồng quản trị;	quản trị;	
	b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;	b. Có đơn từ chức;	Điểm b Khoản 3 Điều 26, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;	c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;	Điểm c Khoản 3 Điều 26, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;	d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;	Điểm d Khoản 3 Điều 26, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	đ. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;	Điểm e Khoản 3 Điều 26, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
		f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	Điểm g Khoản 3 Điều 26, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	<b>Khoản 5, Điều 24</b>		
	Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội		Không còn quy định này tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP và Thông tư 95/2017/TT-BTC

	đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.		
	<b>Khoản 7, Điều 24</b>	<b>Khoản 5, Điều 26</b>	
	Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là <b>người nắm giữ cổ phần</b> của Công ty.	Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là <b>cổ đông</b> của Công ty.	Khoản 5 Điều 26, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	<b>Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</b>	<b>Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</b>	
	<b>Khoản 1, Điều 25</b>	<b>Khoản 1, Điều 27</b>	
	Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả <b>các quyền nhân danh</b> Công ty <b>trừ những</b> thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.	Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền <b>và nghĩa vụ</b> của Công ty <b>không thuộc</b> thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.	Khoản 1 Điều 27, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	<b>Khoản 2, Điều 25</b>		
	Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.		Không quy định tại Thông tư 95/2017/TT-BTC

	<b>Khoản 3, Điều 25</b>	<b>Khoản 2, Điều 27</b>	
	Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và <b>quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b> quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và <b>nhiệm vụ</b> sau:	Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và <b>nghĩa vụ</b> sau:	Khoản 2 Điều 27, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;	a. Quyết định <b>chiến lược</b> , kế hoạch phát triển <b>trung hạn và kế hoạch</b> kinh doanh hàng năm <b>của Công ty</b> ;	Khoản 2 Điều 27, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;	b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;	
	c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ;	c. Bổ nhiệm và <b>miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với</b> Tổng Giám đốc, <b>người điều hành khác và quyết định mức lương của họ</b> ;	
	d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;	<b>d. Giám sát, chỉ đạo</b> Tổng Giám đốc <b>và người điều hành khác</b> ;	
	đ. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;	e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với <b>người điều hành doanh nghiệp</b> cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với <b>người điều hành đó</b> ;	
		<b>f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác</b> ;	
		<b>h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông</b> ;	

		i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;	
	l. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức;	j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;	
	e. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;	k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;	
	g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;	l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;	
	h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;	m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;	
		n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;	
	i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác, người đại diện của Công ty. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);		
	k. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc điều hành;	o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;	
		p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).	

	<b>Khoản 4, Điều 25</b>	<b>Khoản 3, Điều 27</b>	
	Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:	Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:	
	a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;	a. Thành lập <b>các</b> chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;	
	c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 <b>Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp</b> phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm <b>quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê mướn công ty và liên doanh);</b>	c. Trong phạm vi quy định tại <b>Khoản 2 Điều 149 của Luật doanh nghiệp</b> và trừ trường hợp quy định tại <b>Khoản 2 Điều 135 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 162 của Luật doanh nghiệp</b> phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị <b>quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;</b>	Điểm c Khoản 3 Điều 27, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;	d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;	
	đ. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, <b>bảo đảm</b> , bảo lãnh và bồi thường của Công ty;	e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;	
	e. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách hoặc các khoản đầu tư vượt quá 20% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;	f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách <b>vượt quá</b> 20% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;	
	h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền <b>liên quan đến việc</b> phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;	h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền <b>trong đợt</b> phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;	



	i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;	<b>i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần</b> của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;	Điểm i Khoản 3 Điều 27, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;	j. Quyết định giá mua <b>lại</b> hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;	Điểm j Khoản 3 Điều 27, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	<b>Khoản 5, Điều 25</b>	<b>Khoản 4, Điều 27</b>	
	Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc điều hành <b>và những cán bộ quản lý khác</b> trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo <b>cho</b> Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.	Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và <b>người điều hành khác</b> trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo <b>lên</b> Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.	Khoản 4 Điều 27, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
		<b>Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</b>	
	<b>Khoản 7, Điều 25</b>	<b>Khoản 1, Điều 28</b>	
	Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền <b>thay thế</b> ) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều	Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia	Khoản 1 Điều 28, Thông tư 95/2017 /TT-BTC

	trong trường hợp không thoả thuận được.	đều trong trường hợp không thoả thuận được.	
	<b>Khoản 8, Điều 25</b>	<b>Khoản 2, Điều 28</b>	
	Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.	Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty. <b>Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.</b>	
	<b>Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị</b>	<b>Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị</b>	
	<b>Khoản 1, Điều 26</b>	<b>Khoản 1, Điều 29</b>	
	Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. <b>Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc điều hành của Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.</b>	Đại hội đồng cổ đông <b>hoặc Hội đồng quản trị</b> phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.	Khoản 1 Điều 29, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	<b>Khoản 2, Điều 26</b>	<b>Khoản 2, Điều 29</b>	
	Chủ tịch Hội đồng quản trị có <b>trách nhiệm</b> triệu tập và <b>làm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông</b> và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có	Chủ tịch Hội đồng quản trị có <b>nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu</b> , triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị và các cuộc họp của Đại hội	Khoản 2 Điều 29, Thông tư 95/2017 /TT-BTC

	những quyền <b>và trách nhiệm</b> khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.	đồng cổ đông, đồng thời có những quyền <b>và nghĩa vụ</b> khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.	
	<b>Khoản 3, Điều 26</b>	<b>Khoản 3, Điều 29</b>	
	Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.	Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại <b>cuộc họp</b> Đại hội đồng cổ đông.	Khoản 3 Điều 29, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	<b>Khoản 4, Điều 26</b>	<b>Khoản 4, Điều 29</b>	
	Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị <b>bãi nhiệm</b> , Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.	<b>Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị.</b> Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị <b>bãi miễn</b> , Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.	Khoản 4 Điều 29, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	<b>Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</b>	<b>Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</b>	
	<b>Khoản 1, Điều 27</b>	<b>Khoản 1, Điều 30</b>	
	Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị <b>để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành</b> trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất <b>ngang nhau</b> thì các thành viên này <b>bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo</b>	Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì <b>Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong</b> cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất <b>hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập.</b> Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất <b>hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất</b> thì các thành viên bầu	Khoản 1 Điều 30, Thông tư 95/2017 /TT-BTC

	nguyên tắc đa số.	theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.	
	<b>Khoản 2, Điều 27</b>	<b>Khoản 2, Điều 30</b>	
	Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị <b>thường kỳ</b> , lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp <b>dự kiến</b> . Chủ tịch có thể triệu tập họp <b>bất kỳ khi nào</b> thấy cần thiết, nhưng ít nhất <b>là mỗi quý phải họp một (01) lần</b> .	Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị <b>định kỳ và bất thường</b> , lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày <b>làm việc</b> trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi <b>xét</b> thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp <b>ít nhất một (01) lần</b> .	Khoản 2 Điều 30, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	<b>Khoản 3, Điều 27</b>	<b>Khoản 3, Điều 30</b>	
	Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập <b>các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty</b> . Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị <b>phải triệu tập họp Hội đồng quản trị</b> , không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản <b>trình bày</b> mục đích cuộc họp và các vấn đề cần <b>bàn</b> :	Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản <b>nêu rõ</b> mục đích cuộc họp, vấn đề cần <b>thảo luận</b> :	Khoản 3 Điều 30, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	a. Tổng Giám đốc <b>điều hành</b> hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác; Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát.	a. Ban kiểm soát; b. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) <b>người quản lý khác</b> ; <b>c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị</b> ; d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị; <b>e. Các trường hợp khác (nếu có)</b> .	
	<b>Khoản 4, Điều 27</b>	<b>Khoản 4, Điều 30</b>	

	Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 0, 0 phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 0, 0 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.	Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều 30. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.	Khoản 4 Điều 30, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	<b>Khoản 5, Điều 27</b>	<b>Khoản 5, Điều 30</b>	
	Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.	Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.	Khoản 5 Điều 30, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	<b>Khoản 6, Điều 27</b>	<b>Khoản 6, Điều 30</b>	
	Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.	Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.	Khoản 6 Điều 30, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	<b>Khoản 7, Điều 27</b>	<b>Khoản 7, Điều 30</b>	

	<p>Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày trước <b>khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố.</b> Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ <b>chương trình, thời gian, địa điểm họp,</b> kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được <b>bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.</b></p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng <b>buu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác,</b> nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.</p>	<p>Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị <b>và các Kiểm soát viên</b> ít nhất năm (03) ngày <b>làm việc</b> trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng <b>quản trị</b> phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, <b>chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận,</b> kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được <b>thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</b></p> <p>Thông báo mời họp được gửi <b>bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác,</b> nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ <b>liên lạc</b> của từng thành viên Hội đồng quản trị và <b>các Kiểm soát viên</b> được đăng ký tại Công ty.</p>	<p>Khoản 7 Điều 30, Thông tư 95/2017 /TT-BTC</p>
	<b>Khoản 8, Điều 27</b>	<b>Khoản 8, Điều 30</b>	
	<p>Các cuộc họp của Hội đồng quản trị <b>lần thứ nhất chỉ</b> được tiến hành <b>các quyết định</b> khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền).</p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập <b>lại</b> trong thời hạn <b>mười lăm (15) ngày</b> kể từ ngày dự định</p>	<p>Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) <b>tổng</b> số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) <b>nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</b></p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập <b>lần thứ hai</b> trong thời hạn <b>bảy (07) ngày</b> kể từ ngày dự định</p>	<p>Khoản 8 Điều 30, Thông tư 95/2017 /TT-BTC</p>

	<p>họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập <b>lại</b> được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p>	<p>họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập <b>lần thứ hai</b> được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p>	
	<p><b>Khoản 12, Điều 27</b></p>	<p><b>Khoản 9, Điều 30</b></p>	
	<p>Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị <b>sự</b> giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <p>Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.</p> <p>Việc <b>trao đổi</b> giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (<b>kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này</b>) hoặc là <b>kết hợp tất cả những phương</b> thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà <b>nhóm</b> thành viên Hội đồng quản trị đồng <b>nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.</b></p> <p>Các quyết định được thông qua trong <b>một</b> cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các</p>	<p>Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <p>a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.</p> <p>Việc <b>thảo luận</b> giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác <b>hoặc kết hợp các phương thức này.</b> Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. <b>Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đồng nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.</b></p> <p>Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự</p>	<p>Khoản 9 Điều 30, Thông tư 95/2017 /TT-BTC</p>



	chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.	cuộc họp này.	
		<b>Khoản 10, Điều 30</b>	
		Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.	Khoản 10 Điều 30, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	<b>Khoản 9, Điều 27</b>	<b>Khoản 11, Điều 30</b>	
	Biểu quyết.	Biểu quyết	Khoản 11 Điều 30, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	a. Trừ quy định tại <b>Điểm b Khoản 0, 0</b> , mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;	a. Trừ quy định tại <b>điểm b khoản 11 Điều 30</b> , mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo <b>quy định tại khoản 8 Điều 30</b> trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;	
	b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào <b>số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết</b> có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;	b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào <b>tỷ lệ thành viên</b> tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;	



	<p>c. Theo quy định tại <b>Điểm d Khoản 0, 0</b>, khi có vấn đề phát sinh <b>trong một</b> cuộc họp của <b>Hội đồng quản trị</b> liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị <b>hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một</b> thành viên <b>mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc</b> tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết <b>của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan</b>, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. <b>Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng</b> trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;</p>	<p>c. Theo quy định tại <b>điểm d khoản 11 Điều 30</b>, khi có vấn đề phát sinh <b>tại</b> cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc <b>quyền biểu quyết</b> của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, <b>phán quyết của chủ tọa</b> là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;</p>	
	<p>d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại <b>Điểm a và Điểm b Khoản 4 Điều 35 Điều lệ</b> này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</p>	<p>d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại <b>điểm a và điểm b khoản 5 Điều 41 Điều lệ</b> này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;</p>	
		<p><b>e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</b></p>	
	<b>Khoản 10, Điều 27</b>	<b>Khoản 12, Điều 30</b>	
	<p>Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai <b>bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề</b> ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường</p>	<p>Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai <b>lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc</b> ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và</p>	<p>Khoản 12 Điều 30, Thông tư 95/2017 /TT-BTC</p>

	<p>hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng <b>liên quan</b>.</p>	<p>người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng <b>nêu trên</b>.</p>	
	<p><b>Khoản 11, Điều 27</b></p>	<p><b>Khoản 13, Điều 30</b></p>	
	<p>Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở <b>ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%)</b>. Trường hợp số phiếu tán thành và <b>phản đối</b> ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.</p>	<p>Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở <b>đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành</b>. Trường hợp số phiếu tán thành và <b>không tán thành</b> ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.</p>	<p>Khoản 13 Điều 30, Thông tư 95/2017 /TT-BTC</p>
	<p><b>Khoản 13, Điều 27</b></p>	<p><b>Khoản 14, Điều 30</b></p>	
	<p>Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được <b>các thành viên Hội đồng quản trị</b> thông qua tại cuộc họp <b>được triệu tập và tổ chức theo thông lệ</b>.</p>	<p>Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.</p>	<p>Khoản 14 Điều 30, Thông tư 95/2017 /TT-BTC</p>
	<p><b>Khoản 14, Điều 27</b></p>	<p><b>Khoản 15, Điều 30</b></p>	
	<p>Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm <b>chuyên</b> biên bản họp Hội đồng quản trị <b>cho</b> các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong <b>các</b></p>	<p>Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm <b>gửi</b> biên bản họp Hội đồng quản trị <b>tới</b> các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có <b>ý kiến</b></p>	<p>Khoản 15 Điều 30, Thông tư 95/2017 /TT-BTC</p>

	<p>cuộc họp <b>đó</b> trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ <b>khi chuyên đi</b>. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.</p>	<p><b>không tán thành</b> về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ <b>ngày gửi</b>. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và <b>có thể lập bằng tiếng Anh</b>. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.</p>	
		<b>Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</b>	
<b>Khoản 15, Điều 27</b>		<b>Khoản 1, Điều 31</b>	
	<p>Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</p>	

	<b>Khoản 16, Điều 27</b>	<b>Khoản 2, Điều 31</b>	
	Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị <b>được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.</b>	Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị <b>phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.</b>	
		<b>Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty</b>	
		<p><b>1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp và Điều 36 Điều lệ này.</b></p> <p><b>2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li><b>a. Có hiểu biết về pháp luật;</b></li> <li><b>b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;</b></li> <li><b>c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.</b></li> </ul>	Điều 32, Thông tư 95/2017 /TT-BTC

		<p>3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.</p> <p>4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</li><li>b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</li><li>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</li><li>d. Tham dự các cuộc họp;</li><li>e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</li><li>f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;</li><li>g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.</li><li>h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</li></ul>	
--	--	---	--

		i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.	
	<b>TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY</b>	<b>VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY</b>	
	<b>Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý</b>	<b>Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý</b>	
	Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và <b>trực thuộc sự lãnh đạo</b> của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Tổng Giám đốc điều hành, các Phó Tổng Giám đốc <b>điều hành</b> và một Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được <b>thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.</b>	Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và <b>chịu sự giám sát, chỉ đạo</b> của Hội đồng quản trị <b>trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.</b> Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh <b>quản lý</b> khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được <b>thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.</b>	Điều 33, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	<b>Điều 29. Cán bộ quản lý</b>	<b>Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp</b>	
	<b>Khoản 1, Điều 29</b>	<b>Khoản 1, Điều 34</b>	
	Theo đề nghị của Tổng Giám đốc <b>điều hành</b> và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng <b>cán bộ quản lý cần thiết</b> , với số lượng và <b>chất lượng</b> phù hợp với cơ cấu và <b>thông lệ</b> quản lý công ty do Hội đồng quản trị <b>đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết</b> để các hoạt động và tổ chức <b>của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.</b>	1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng <b>người điều hành khác</b> với số lượng và <b>tiêu chuẩn</b> phù hợp với <b>cơ cấu</b> và <b>quy chế quản lý của Công ty</b> do Hội đồng quản trị <b>quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra</b> trong hoạt động và tổ chức.	Khoản 1 Điều 34, Thông tư 95/2017 /TT-BTC

	<b>Khoản 2, Điều 29</b>	<b>Khoản 2, Điều 34</b>	
	Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc điều hành do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc điều hành.	2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.	Khoản 2 Điều 34, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	<b>Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành</b>	<b>Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc</b>	
	<b>Khoản 1, Điều 30</b>	<b>Khoản 1, Điều 35</b>	
	Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc điều hành; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc điều hành phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.	Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.	Khoản 1 Điều 35, Thông tư 95/2017 /TT-BTC Phù hợp Khoản 3, Điều 158 LDN2014
	<b>Khoản 2, Điều 30</b>	<b>Khoản 2, Điều 35</b>	
	Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc điều hành là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc điều hành không phải là người mà pháp luật cấm giữ	Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng	Khoản 2 Điều 35, Thông tư 95/2017 /TT-BTC

	chức vụ này.	các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.	
	<b>Khoản 3, Điều 30</b>	<b>Khoản 3, Điều 35</b>	
	Tổng Giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau:	Tổng Giám đốc có các quyền và <b>nghĩa vụ</b> sau:	Khoản 3 Điều 35, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	b. Quyết định <b>tất cả</b> các vấn đề không cần phải có <b>nghị quyết</b> của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động <b>sản xuất</b> kinh doanh <b>thường nhật</b> của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;	b. Quyết định các vấn đề <b>mà</b> không cần phải có <b>quyết định</b> của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;	
		<b>c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</b>	
	<b>c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;</b>	<b>e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;</b>	
	<b>đ. Vào ngày 20 tháng 12 hàng năm, Tổng Giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;</b>	<b>g. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;</b>	



	<p>h. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc điều hành và pháp luật.</p>	<p>i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.</p>	
	<p><b>Điều 31. Thư ký Công ty</b></p>	<p><b>Điều 36. Thư ký Công ty</b></p>	
	<p>Hội đồng quản trị chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:</p>	<p>Hội đồng quản trị chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:</p>	<p>Sửa đổi quyền và nghĩa vụ của Thư ký Công ty phù hợp với Khoản 5, Điều 152 Luật doanh nghiệp</p>
	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.</li> <li>2. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.</li> <li>3. Tham dự các cuộc họp.</li> <li>4. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.</li> <li>5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;</li> <li>2. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;</li> <li>3. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;</li> <li>4. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;</li> <li>5. Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;</li> <li>6. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.</li> </ol>	

	Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.	Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.	
		<b>IX. BAN KIỂM SOÁT</b>	
		<b>Điều 37. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên</b>	
		<b>Khoản 1, Điều 37</b>	
		Việc xác định ứng viên và công bố thông tin ứng viên thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 Điều 25 Điều lệ này.	
	<b>Khoản 3, Điều 32</b>	<b>Khoản 2, Điều 37</b>	
	Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.	Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử năm (05) ứng viên trở lên.	
	<b>Khoản 4, Điều 32</b>	<b>Khoản 3, Điều 37</b>	

	<p>Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p>	<p>Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p>	
		<p><b>Khoản 4, 5 Điều 37</b></p>	
		<p><b>4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;</li> <li>b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</li> </ul> <p>Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</p> <p><b>Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</li> <li>b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần</li> </ul>	

		<p>nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</p>	
	<b>Điều 32. Thành viên Ban kiểm soát</b>	<b>Điều 38. Kiểm soát viên</b>	
	<b>Khoản 1, Điều 32</b>	<b>Khoản 1, Điều 38</b>	
	Ban kiểm soát của Công ty có từ 03 đến 05 kiểm soát viên. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số kiểm soát viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.	1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là từ ba (03) đến năm (05) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.	
	<b>Khoản 2, Điều 32</b>	<b>Khoản 2, Điều 38</b>	
	Các kiểm soát viên phải đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo như quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp.	<p>Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;</p> <p>b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.</p>	

		<p>2. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</li> <li>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</li> <li>c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</li> </ul>	
	<b>Khoản 5, Điều 32</b>		
	Các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.		
	<b>Khoản 6, Điều 32</b>	<b>Khoản 4, Khoản 5, Điều 38</b>	
	Kiểm soát viên không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:	<p>4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm</li> </ul>	
	Điểm a, Khoản 6, Điều 32 Kiểm soát viên đó bị pháp luật cấm làm Kiểm		

	soát viên;	Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;	
	Điểm b, Khoản 6, Điều 32 Kiểm soát viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty;	b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;	
	Điểm c, Khoản 6, Điều 32 Kiểm soát viên đó bị rối loạn tâm thần và các Kiểm soát viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;	c. Có đơn từ chức và được chấp thuận; d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.	
	Điểm d, Khoản 6, Điều 32 Kiểm soát viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;	<b>5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</b> e. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công; f. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;	
	Điểm e, Khoản 6, Điều 32 Kiểm soát viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	g. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; h. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.	
	<b>Điều 33. Ban kiểm soát</b>		
	<b>Khoản 1, Điều 33</b>	<b>Điều 39</b>	
	Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:	<b>1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</b>	

	<p>Điểm a, Khoản 1, Điều 33 Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan;</p>	<p>a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;</p>	
	<p>Điểm b, Khoản 1, Điều 33 Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;</p>	<p>b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;</p>	
	<p>Điểm c, Khoản 1, Điều 33 Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;</p>	<p>c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông;</p>	
	<p>Điểm d, Khoản 1, Điều 33 Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý;</p>	<p>d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	
	<p>Điểm đ, Khoản 1, Điều 33 đ. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;</p>	<p>e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.</p>	
	<p>Điểm e, Khoản 1, Điều 33 Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;</p>	<p>f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	
	<p>Điểm g, Khoản 1, Điều 33 g. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị</p>	<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động</p>	

	chấp thuận;		
	Điểm h, Khoản 1, Điều 33 h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.		
	<b>Khoản 2, Điều 33</b>		
	Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho Kiểm soát viên vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.	của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. <b>Người phụ trách quản trị công ty</b> phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao <b>các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị</b> phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm <b>và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.</b>	
	<b>Khoản 3, Điều 33</b>		
	Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng Kiểm soát viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.	3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và <b>cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.</b>	
	<b>Khoản 4, Điều 33</b>		
	Mức thù lao của các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc	4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. <b>Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.</b>	



	thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.		
	<b>NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC</b>	<b>X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</b>	
	<b>Điều 34. Trách nhiệm cẩn trọng</b>	<b>Điều 40. Trách nhiệm cẩn trọng</b>	
	Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc điều hành và <b>cán bộ quản lý khác</b> có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.	Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và <b>người điều hành khác</b> có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, <b>cẩn trọng</b> vì lợi ích của Công ty.	Điều 39, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	<b>Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</b>	<b>Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</b>	
	<b>Khoản 1, Điều 35</b>	<b>Khoản 1, Điều 41</b>	
		Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.	Khoản 1 Điều 40, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	<b>Khoản 1, Điều 35</b>	<b>Khoản 2, Điều 41</b>	
	Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc điều hành và <b>cán bộ quản lý khác</b> không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty	Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và <b>người điều hành khác</b> không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân;	Khoản 2 Điều 40, Thông tư 95/2017 /TT-BTC

	vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.	đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.	
	<b>Khoản 2, Điều 35</b>	<b>Khoản 3, Điều 41</b>	
	Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc điều hành và <b>cán bộ quản lý khác</b> có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.	Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và <b>người điều hành</b> khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.	Khoản 3 Điều 40, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	<b>Khoản 3, Điều 35</b>	<b>Khoản 4, Điều 41</b>	
	Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.	<b>Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác</b> , Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, <b>Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức</b> có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính <b>trừ trường hợp công ty và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</b>	Khoản 4 Điều 40, Thông tư 95/2017 /TT-BTC

	<b>Khoản 4, Điều 35</b>	<b>Khoản 5, Điều 41</b>	
	<p>Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc điều hành, <b>cán bộ quản lý khác</b> hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc điều hành, <b>cán bộ quản lý khác</b> hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, <b>người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty</b> hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, <b>Kiểm soát viên</b>, Tổng Giám đốc, <b>người điều hành khác</b> hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây</p>	<p>Khoản 5 Điều 40, Thông tư 95/2017 /TT-BTC</p>
	<p>Đối với hợp đồng có giá trị từ <b>dưới 20%</b> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;</p>	<p>a. Đối với hợp đồng có giá trị <b>dưới 35%</b> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những <b>nội dung</b> quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích thành viên Hội đồng quản trị, <b>Kiểm soát viên</b>, Tổng Giám đốc <b>và người điều hành khác</b> đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;</p>	<p>Điểm a Khoản 5 Điều 40, Thông tư 95/2017 /TT-BTC Sửa phù hợp với khoản 2, Điều 162 LDN2014</p>

	<p>Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn <b>20%</b> của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của <b>cán bộ quản lý</b> hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;</p>	<p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị <b>lớn hơn hoặc bằng 35%</b> của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những <b>nội dung</b> quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, <b>Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác</b> đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;</p>	<p>Điểm b Khoản 5 Điều 40, Thông tư 95/2017 /TT- BTC Sửa tỷ lệ thành 35% theo khoản 2, Điều 162 LDN2014</p>
	<p>Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị <b>hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện.</b> Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc <b>điều hành, cán bộ quản lý khác</b> và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	<p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị <b>hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.</b> Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, <b>người điều hành khác</b> và <b>các tổ chức và cá nhân</b> có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	<p>Điểm c Khoản 5 Điều 40, Thông tư 95/2017 /TT- BTC</p>
<p><b>Điều 36. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</b></p>	<p><b>Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</b></p>		

	<b>Khoản 1, Điều 36</b>	Điều 1, Điều 42	
	Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.	Thành viên Hội đồng quản trị, <b>Kiểm soát viên</b> , Tổng Giám đốc và <b>người điều hành khác</b> vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra	Khoản 1 Điều 41, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	<b>Khoản 2, Điều 36</b>		
	Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, <b>cán bộ quản lý</b> , nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, <b>cán bộ quản lý</b> , nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, cẩn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.	Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, <b>Kiểm soát viên</b> , <b>Tổng Giám đốc</b> , <b>người điều hành khác</b> , nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, <b>người điều hành doanh nghiệp</b> , nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, cẩn cán vì lợi ích hoặc <b>không mâu thuẫn với lợi ích</b> của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.	Khoản 2 Điều 41, Thông tư 95/2017 /TT-BTC

	Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, <b>Kiểm soát viên, cán bộ quản lý</b> , nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:	3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, <b>Kiểm soát viên, người điều hành khác</b> , nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:	Khoản 3 Điều 41, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	<b>QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</b>	<b>XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</b>	
	<b>Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</b>	<b>Điều 43. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</b>	
	<b>Khoản 1, Điều 37</b>	<b>Khoản 1, Điều 43</b>	
	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại <b>Khoản 2, Error! Reference source not found.</b> và <b>Khoản 3 Error! Reference source not found.</b> Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại <b>Khoản 3 Điều 12</b> Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.	Khoản 1 Điều 42, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	<b>Khoản 2, Điều 37</b>	<b>Khoản 2, Điều 43</b>	
	Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý	Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên,	Khoản 2 Điều 42, Thông tư

	khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.	Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.	95/2017 /TT-BTC
	<b>CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN</b>	<b>XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN</b>	
	<b>Điều 38. Công nhân viên và công đoàn</b>	<b>Điều 44. Công nhân viên và công đoàn</b>	
	<b>Khoản 1, Điều 38</b>	<b>Khoản 1, Điều 44</b>	
	Tổng Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý.	Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.	Khoản 1 Điều 43, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	<b>PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN</b>	<b>XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN</b>	
	<b>Điều 39. Phân phối lợi nhuận</b>	<b>Điều 45. Phân phối lợi nhuận</b>	
	<b>Khoản 2, Điều 39</b>		
	Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.		Bỏ
	<b>Khoản 4, Điều 39</b>		
	Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng		Bỏ



	cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.		
	<b>Khoản 5, Điều 39</b>	<b>Khoản 3, Điều 45</b>	
	Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam	Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam	Khoản 4 Điều 44, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	<b>TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN</b>	<b>XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN</b>	
	<b>Điều 40. Tài khoản ngân hàng</b>	<b>Điều 46. Tài khoản ngân hàng</b>	
	<b>Điều 42. Chế độ kế toán</b>	<b>Điều 48. Chế độ kế toán</b>	
	<b>Khoản 1, Điều 42</b>	<b>Khoản 1, Điều 48</b>	
	Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.	Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp	Khoản 1 Điều 47, Thông tư 95/2017 /TT-BTC



		hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.	
	<b>Khoản 2, Điều 42</b>	<b>Khoản 2, Điều 48</b>	
	Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo <b>loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia</b> . Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.	Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán <b>theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan</b> . Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.	Khoản 2 Điều 47, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	<b>Khoản 3, Điều 42</b>	<b>Khoản 3, Điều 48</b>	
	Công ty sử dụng <b>đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán</b> .	Công ty sử dụng <b>đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam</b> . Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.	Khoản 3 Điều 47, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	<b>BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG</b>	<b>XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG</b>	
	<b>Điều 43. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý</b>	<b>Điều 49. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý</b>	
	<b>Khoản 1, Điều 43</b>	<b>Khoản 1, Điều 49</b>	

	Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại <b>Error! Reference source not found.</b> Điều lệ này, và trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.	Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 51 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật.	Khoản 1 Điều 48, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	<b>Khoản 3, Điều 43</b>	<b>Khoản 3, Điều 49</b>	
	Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp	Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.	Khoản 3 Điều 48, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	<b>Khoản 4, Điều 43</b>	<b>Khoản 4 Điều 49</b>	
	Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải được công bố trên website của Công ty.	Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.	Khoản 4 Điều 48, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	<b>Khoản 5, Điều 43</b>	<b>Khoản 5, Điều 49</b>	
	Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính	Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm	Khoản 5 Điều 48, Thông tư 95/2017 /TT-BTC

	năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.	được kiểm toán, báo cáo sáu tháng <b>được soát xét và báo cáo tài chính</b> quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.	
	<b>KIỂM TOÁN CÔNG TY</b>	<b>XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY</b>	
	<b>Điều 45. Kiểm toán</b>	<b>Điều 51. Kiểm toán</b>	
	<b>Khoản 1, Điều 45</b>	<b>Khoản 1, Điều 51</b>	
	Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành <b>các hoạt động</b> kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.	Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán <b>báo cáo tài chính Công ty cho năm tài chính</b> tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.	Khoản 1 Điều 50, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	<b>Khoản 2, Điều 45</b>	<b>Khoản 2, Điều 51</b>	
	Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận <b>và</b> báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Khoản 2 Điều 50, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	<b>Khoản 4, Điều 45</b>	<b>Khoản 4, Điều 51</b>	

	Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.	Kiểm toán viên <b>độc lập</b> thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các <b>cuộc họp</b> Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.	Khoản 4 Điều 50, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	<b>CON DẤU</b>	<b>XVII. CON DẤU</b>	
	<b>Điều 46. Con dấu</b>	<b>Điều 52. Con dấu</b>	
	<b>Khoản 1, Điều 46</b>	<b>Khoản 1, Điều 52</b>	
	Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.	Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp <b>và Điều lệ công ty.</b>	Khoản 1 Điều 51, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	<b>CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ</b>	<b>XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ</b>	
	<b>Điều 47. Chấm dứt hợp đồng</b>	<b>Điều 53. Chấm dứt hoạt động</b>	
	<b>Khoản 1, Điều 47</b>	<b>Khoản 1, Điều 53</b>	
	Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:	Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:	Khoản 1 Điều 52, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;	<b>b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</b>	
	<b>Khoản 2, Điều 47</b>	<b>Khoản 2, Điều 53</b>	
	Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết	Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định,	

	định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.	Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo <b>hoặc phải được</b> chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.	
	<b>Điều 48. Gia hạn hợp đồng</b>	<b>Điều 54. Gia hạn hoạt động</b>	
	<b>Khoản 2, Điều 48</b>	<b>Khoản 2, Điều 54</b>	
	Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.	Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông (hoặc các đại diện được ủy quyền) dự họp tán thành hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.	
	<b>Điều 49. Thanh lý</b>	<b>Điều 55. Thanh lý</b>	
	<b>Khoản 3, Điều 49</b>	<b>Khoản 3, Điều 53</b>	
	Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:	Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:	Khoản 3 Điều 54, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;	<b>b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;</b>	
	c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;	<b>c. Nợ thuế;</b>	
	<b>GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ</b>	<b>XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ</b>	
	<b>Điều 50. Giải quyết tranh chấp nội bộ</b>	<b>Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ</b>	
	<b>Khoản 1, Điều 50</b>	<b>Khoản 1, Điều 56</b>	

	Trường hợp phát sinh tranh chấp <b>hay</b> khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty <b>hay tới</b> quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:	Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:	Khoản 1 Điều 55, Thông tư 95/2017 /TT-BTC
	b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý cao cấp,	b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay <b>người điều hành khác</b> .	
	Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày <b>các yếu tố thực tiễn</b> liên quan đến tranh chấp trong vòng <b>ba mươi (30) ngày</b> làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu <b>cơ quan có thẩm quyền</b> chỉ định một chuyên gia độc lập <b>để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp</b> .	Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày <b>các thông tin</b> liên quan đến tranh chấp trong vòng <b>mười lăm (15) ngày</b> làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu <b>Trọng tài kinh tế</b> chỉ định một chuyên gia độc lập <b>làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp</b> .	
	<b>NGÀY HIỆU LỰC</b>	<b>XXI. NGÀY HIỆU LỰC</b>	
	<b>Điều 52. Ngày hiệu lực</b>	<b>Điều 58. Ngày hiệu lực</b>	
	<b>Khoản 1, Điều 52</b>	<b>Khoản 1, Điều 58</b>	

<p>Bản điều lệ này gồm 21 chương 52 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII nhất trí thông qua ngày 12 tháng 04 năm 2017 tại văn phòng Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p>	<p>Bản điều lệ này gồm XXI chương 58 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII nhất trí thông qua ngày 26/04/2018 tại Tp.Hồ Chí Minh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này; Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày 26/04/2018.</p>	
--	---	--